

PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY

Phạm Thị Thanh Thủy*, Đỗ Kim Chung

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

**Tác giả liên hệ: pttthuy@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 02.11.2021

Ngày chấp nhận đăng: 27.05.2022

TÓM TẮT

Du lịch sinh thái ngày càng phát triển và góp phần tích cực cải thiện sinh kế người dân địa phương, nâng cao hiểu biết của du khách về đa dạng sinh học và bảo vệ tài nguyên. Bài viết nhằm chỉ ra thực trạng từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy. Ngoài thông tin thứ cấp, nghiên cứu sử dụng thông tin sơ cấp được thu thập từ 110 du khách, 35 hộ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch, 2 cán bộ quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy, 12 cán bộ quản lý cấp huyện, xã. Kết quả nghiên cứu cho thấy phát triển du lịch sinh thái có sự tăng trưởng không ổn định thời gian qua và đang đối mặt nhiều khó khăn như cơ sở hạ tầng chưa phát triển, trình độ của nhân lực ngành du lịch còn thấp, các sản phẩm du lịch còn hạn chế, thiếu sự gắn kết với các đơn vị tổ chức tour, tuyến du lịch trong việc thu hút khách. Các giải pháp để thúc đẩy du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Xuân Thủy thời gian tới là: Tổ chức, quảng bá về du lịch sinh thái; Nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường; Đầu tư cơ sở hạ tầng cho du lịch sinh thái.

Từ khoá: Du lịch sinh thái, hộ, Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Ecotourism Development in Xuan Thuy National Park

ABSTRACT

Ecotourism is growing rapidly and actively contributes to the improvement of the livelihoods of local people, tourists' understanding of biodiversity and protection of natural resources. The article aimed at pointing out the current status of ecotourism development activities and thereby proposing solutions to improve the efficiency of ecotourism activities in Xuan Thuy National Park. In addition to secondary information, primary data were collected from 110 tourists, 35 households participating in providing ecotourism services, 2 management staff of Xuan Thuy National Park, and 12 managers at district and commune level. The research results show that ecotourism development has had an unstable growth over the past time and was facing many difficulties and challenges such as poor infrastructure for ecotourism, low level of human resources, etc. The tourism expertise was not high as well as tourism products were limited, and lacked cohesion with tour operators and routes in attracting visitors. The solutions to promote ecotourism in Xuan Thuy National Park are suggested as follows: organizing and promoting ecotourism development; improving the efficiency of management and protection of natural resources and the environment; investing in infrastructure for eco-tourism in Giao Thuy district.

Keywords: Ecotourism, household, Xuan Thuy National Park.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch sinh thái (DLST) được xác định là một trong những ưu tiên của Chiến lược Phát triển Du lịch Việt Nam (Chính phủ, 2020). Đây là loại hình du lịch thiên nhiên có trách nhiệm, góp phần hỗ trợ việc thực hiện các mục tiêu bảo tồn môi trường tự nhiên (Phạm Trung Lương,

2015), bảo tồn các giá trị văn hoá bản địa và phát triển cộng đồng, phát triển kinh tế - xã hội địa phương (Nguyễn Thị Tú, 2006, Lê Văn Hoài, 2017, Phạm Trung Lương, 2002). Một trong những hình thức DLST đặc trưng là thăm quan, trải nghiệm Vườn quốc gia (VQG) hoặc Khu bảo tồn thiên nhiên kết hợp với khám phá văn hoá bản địa của cộng đồng dân cư, đặc biệt là đồng

bào dân tộc thiểu số vùng ven các khu vực đó. Tuy nhiên hình thức DLST này đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: việc phát triển DLST thiếu quy hoạch và kế hoạch rõ ràng; hệ sinh thái tự nhiên bị thay đổi do thay đổi mục đích sử dụng rừng, xây cơ sở hạ tầng du lịch... (Nguyễn Tri, 2018); các mối quan hệ liên ngành trong quản lý môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học còn thiếu và yếu (Nguyễn Trọng Nhân & Lê Thông, 2011; Lê Văn Hoài, 2017).

Huyện Giao Thủy là trọng điểm cho việc phát triển DLST của tỉnh Nam Định, nhất là VQG Xuân Thủy - khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận. Du lịch sinh thái ở VQG Xuân Thủy được thực hiện mạnh mẽ từ những năm 2011, giai đoạn 2015-2019, hàng năm có trên 20.000 lượt khách đến VQG đem lại doanh thu trên 400 triệu đồng cho VQG và trên 2 tỷ đồng cho cộng đồng dân cư làm DLST trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, DLST tại VQG Xuân Thủy đang đối diện với nhiều khó khăn thách thức như tiện nghi và trang thiết bị trong phòng nghỉ chưa đáp ứng nhu cầu của du khách; khả năng ứng phó khi xảy ra sai sót trong phục vụ còn kém; khả năng giải đáp thắc mắc của du khách chưa thực sự tốt... Đã có nhiều nghiên cứu đánh giá về giải pháp phát triển DLST, du lịch cộng đồng tại các khu vực như VQG Ba Vì (Bùi Thị Minh Nguyệt, 2012), VQG Tràm Chim (Nguyễn Trọng Nhân, Lê Thông, 2011), Khu bảo tồn thiên nhiên hồ Kẻ Gỗ (Lê Văn Hoài, 2017), sử dụng đất cho phát triển du lịch theo hướng sinh thái và cộng đồng tại huyện Giao Thủy (Doãn Quang Hùng, 2017), tuy nhiên các nghiên cứu đều chỉ tập trung đánh giá về các dịch vụ du khách sử dụng và tài nguyên tự nhiên cho phát triển DLST mà chưa xem xét nhiều tới các tài nguyên khác cho phát triển DLST, đánh giá ảnh hưởng của DLST tới đời sống, kinh tế của địa phương cũng như cộng đồng tham gia cung cấp các dịch vụ du lịch. Do đó đây là khoảng trống cần nghiên cứu thêm.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm: (1) Mô tả khái quát thực trạng và những khó khăn trong phát triển DLST tại VQG Xuân Thủy; (2) Đề xuất giải pháp phát triển DLST tại VQG Xuân Thủy trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nguồn số liệu

Bài viết sử dụng các thông tin, số liệu thứ cấp và sơ cấp. Thông tin thứ cấp được thu thập từ các phòng/ ban chức năng của huyện Giao Thủy về phát triển du lịch của huyện, đặc biệt là DLST. Thông tin sơ cấp được thu thập bằng phương pháp điều tra dựa trên câu hỏi bán cấu trúc từ 35 hộ tham gia cung cấp dịch vụ DLST tại xã Giao Thiện (20 hộ), xã Giao Xuân (15 hộ). Đây là các hộ có hợp tác liên kết phát triển DLST với VQG và nhận được các hỗ trợ cho phát triển DLST như tập huấn, vay vốn từ VQG từ năm 2005 tới nay. Số lượng doanh nghiệp liên kết cung cấp dịch vụ du lịch với vườn rất ít nên không điều tra. Năm 2020, 2021 dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên không có du khách nước ngoài tới vườn, vì vậy nghiên cứu chỉ điều tra bằng câu hỏi bán cấu trúc với 110 du khách nội địa bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng với 100 du khách phỏng vấn từ tháng 4-9/2021 và 10 du khách phỏng vấn từ tháng 1-2/2021 (với tỉ lệ 90% du khách tới VQG Xuân Thủy từ tháng 4-9 theo dạng DLST kết hợp các hình thức du lịch khác và 10% du khách chỉ tới thăm quan khám phá đa dạng sinh học của vườn nhất là xem chim di trú theo thống kê của VQG Xuân Thủy). Ngoài ra, phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng để thu thập thông tin từ 2 cán bộ quản lý VQG Xuân Thủy, 08 cán bộ quản lý cấp huyện và 04 cán bộ lãnh đạo cấp xã.

2.2. Xử lý và phân tích thông tin

Thông tin định tính được xử lý và sắp xếp theo các chủ đề nghiên cứu, trao đổi. Thông tin định lượng được xử lý bằng phần mềm Excel. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả nhằm phản ánh thực trạng hoạt động DLST tại VQG Xuân Thủy. Phương pháp thống kê so sánh dùng để so sánh sự khác biệt về sản phẩm DLST, so sánh sự khác biệt có liên quan đến du khách cũng như ảnh hưởng của DLST đến nhận thức, thái độ của du khách sau khi tham gia hoạt động du lịch này.

Phương pháp thang đo Likert (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) được sử dụng để đánh giá mức độ hài lòng của du khách về

các dịch vụ du lịch. Mức độ đánh giá theo 3 mức độ: hấp dẫn, trung bình và không hấp dẫn đối với từng nội dung đánh giá.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy

3.1.1. Tài nguyên du lịch sinh thái

Vị trí địa lý: VQG Xuân Thủy nằm cách Hà Nội 150km về phía Đông Nam. Tổng diện tích Vườn là 15.100ha với 12.000ha thuộc khu Ramsar. Do khoảng cách không quá xa Hà Nội và giao thông thuận tiện giữa các khu vực phát triển du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng nên VQG Xuân Thủy là địa điểm thu hút khá đông khách (Doãn Quang Hùng, 2017).

Tài nguyên sinh thái: VQG Xuân Thủy có tài nguyên động thực vật phong phú với nhiều loại gồm: trên 120 loài thực vật bậc cao có mạch, trên 220 loài chim với 9 loài nằm trong sách đỏ quốc tế như Cò thìa, Rẽ mỏ thìa, Choắt chân màng lớn...; trên 1.000 loài động thực vật thủy sinh và hơn chục loài thú, với 3 loài thú quý hiếm là Rái cá, Cá heo, Cá đầu ông sư (Ban quản lý VQG Xuân Thủy, 2021). Để đảm bảo nguồn tài nguyên sinh thái, năm 2018 VQG Xuân Thủy đã ban hành “Quy định quản lý các hoạt động DLST tại khu vực VQG Xuân Thủy”, trong đó nêu rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc quản lý các hoạt động DLST nói riêng và bảo vệ tài nguyên môi trường nói chung. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các bên mặc dù đã nắm được trách nhiệm của mình song chưa thực hiện nghiêm túc và một số bên chưa hoàn toàn tự nguyện thực hiện đúng quy định đã đưa ra nên triển khai DLST tại VQG chưa tốt, ảnh hưởng xấu đến uy tín, hình ảnh, chất lượng dịch vụ du lịch cũng như nguồn tài nguyên thiên nhiên của vườn (Nguyễn Viết Cách, 2016).

Tài nguyên nhân văn cũng giúp VQG Xuân Thủy tăng sức hút với du khách. Chuỗi địa điểm hấp dẫn du khách là 3 khu di tích lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia là quần thể đền, chùa Hà Cát (xã Hồng Thuận); Quần thể đền, chùa Diêm

Diên (Thị trấn Ngô Đồng); Chùa Hoàn Nha, xã Giao Tiến với những giá trị lịch sử, kiến trúc, văn hóa nghệ thuật tiêu biểu các thời kỳ phong kiến. Bảo tàng đồng quê (xã Giao Thịnh), các lễ hội và làng nghề truyền thống như làng mắm, làng muối, nem nộm, gạo... được chính quyền và người dân địa phương gìn giữ, phát triển cũng là những điểm nhấn giúp tăng sự hấp dẫn của DLST ở VQG (Ban quản lý VQG Xuân Thủy, 2021).

Nam Định xác định VQG Xuân Thủy là một trong những điểm trọng tâm về du lịch của tỉnh cũng như huyện Giao Thủy, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có quy hoạch và đề án chi tiết cho phát triển loại hình này. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch như dịch vụ lưu trú, bãi đỗ tàu thuyền, nhà hàng hiện nay chưa được đầu tư đồng bộ, còn sơ sài và chưa đáp ứng được nhu cầu vui chơi, giải trí du lịch của du khách.

3.1.2. Các loại sản phẩm du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy

Trước năm 2019, các hoạt động DLST ở VQG bao gồm:

Tuyến du thuyền cửa Ba Lạt (tuyến 1) từ Nhà môi trường - cửa sông Trà, Cồn Xanh, bãi phi lao Cồn Lu - Nhà môi trường (đi thuyền, thời gian từ 4- 6 giờ, dùng cho khách ngắm cảnh và trải nghiệm cảnh quan sông nước).

Tuyến xem chim (tuyến 2): Văn phòng VQG - sông Vọt - Cồn Lu (đi bộ hoặc thuyền) - Văn phòng vườn (thời gian từ 1-2 ngày, dành cho khách lưu trú và muốn khám phá các cảnh quan, sinh vật ở VQG).

Tuyến đi săn dã (tuyến 3): thăm các cánh rừng, hệ thống nuôi trồng thủy sản quảng canh (chủ yếu tôm, cá) và quan sát chim trên dọc tuyến đường Cồn Ngạn, một phần Bãi Trong và khu dân cư ở vùng đệm (đường bộ, thường từ 1-2 ngày).

Tuyến du khảo đồng quê (tuyến 4): đi từ Văn phòng của VQG, thăm làng Điện Biên, mô hình khu vây Vạng ở Giao Xuân, đi dọc các xã vùng đệm thăm cảnh quan và tập quán sinh hoạt của đồng địa phương (thường từ 2-3 ngày).

Từ năm 2019, VQG Xuân Thủy bổ sung thêm tuyến thăm quan, tìm hiểu và khám phá cây rừng ngập mặn, trải nghiệm hoạt động sinh kế của người dân (tuyến 5): đi thuyền và trực tiếp vào rừng ngập mặn để nhận biết, phân biệt và tìm hiểu sâu một số loại cây ngập mặn trong khu vực; khách tham gia vào hoạt động khai thác ngao tự nhiên, bắt còng dưới tán cây ngập mặn...

Khách đến VQG Xuân Thủy 100% là để thực hiện trải nghiệm VQG, rừng ngập mặn và nghiên cứu về đa dạng sinh học, chim di trú. Rất đông du khách muốn trải nghiệm hoạt động sinh kế của người dân (chủ yếu là nuôi trồng, khai thác thủy hải sản, nuôi ong,...). Hoạt động bơi thuyền và cắm trại chỉ nhận được sự quan tâm nhỏ từ du khách, nhưng được đánh giá là một trong những hoạt động hấp dẫn, có tiềm năng phát triển mạnh trong các hoạt động phục

vụ DLST tại Vườn trong thời gian tới.

Sự phát triển của DLST tại VQG nói riêng, du lịch huyện nói chung đã có nhiều ảnh hưởng tới kinh tế - xã hội của huyện Giao Thủy. Các hoạt động DLST tại VQG Xuân Thủy đã đem lại rất nhiều tác động tích cực như góp phần nâng cao ý thức học tập của trẻ em về bảo vệ và giữ gìn tài nguyên; vệ sinh làng, xã sạch sẽ hơn; cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp có tác động rất tích cực trong việc nâng cao đời sống người dân, đồng thời giảm thiểu được tác động xấu tới môi trường do hoạt động DLST đem lại. Bên cạnh đó, một số ngành nghề truyền thống có sự thay đổi về sản phẩm, cách thức bán hàng để phù hợp với yêu cầu của du khách, điều này góp phần giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa của địa phương. Tuy nhiên, việc phát triển DLST cũng có tác động tiêu cực khi làm cho giá cả sinh hoạt tăng.

Bảng 1. Loại hình du lịch du khách tham gia tại Vườn quốc gia Xuân Thủy (N = 110)

Loại hình du lịch sinh thái du khách tham dự	Số lượng (ý kiến)	Tỉ lệ (%)
Trải nghiệm vườn quốc gia Xuân Thủy, khám phá cây rừng ngập mặn	110	100,00
Cắm trại	16	14,55
Bơi thuyền	14	12,73
Trải nghiệm hoạt động sinh kế của người dân địa phương	49	44,55
Hoạt động khác (câu cá, trồng rừng...)	32	29,09

Bảng 2. Đánh giá của người dân, cán bộ về ảnh hưởng du lịch sinh thái tại huyện Giao Thủy

Tiêu chí đánh giá	Người dân (N = 35)				Cán bộ (N = 14)			
	Đồng ý		Không đồng ý		Đồng ý		Không đồng ý	
	SL (ý kiến)	Tỉ lệ (%)	SL (ý kiến)	Tỉ lệ (%)	SL (ý kiến)	Tỉ lệ (%)	SL (ý kiến)	Tỉ lệ (%)
Tăng ý thức học tập của trẻ em	16	45,71	19	54,29	10	71,43	4	28,57
Vệ sinh làng, xã sạch hơn	31	88,57	4	11,43	12	85,71	2	14,29
Cơ sở hạ tầng tốt hơn	24	68,57	11	31,43	10	71,43	4	28,57
Tăng hiểu biết về các nền văn hóa khác	27	77,14	8	22,86	11	78,57	3	21,43
Tài nguyên thiên nhiên bị xuống cấp	24	68,57	11	31,43	6	42,86	8	57,14
Giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa địa phương	18	51,43	17	48,57	7	50,00	7	50,00
Giá cả sinh hoạt tăng	24	68,57	11	31,43	8	57,14	4	28,57
Thay đổi một số ngành nghề truyền thống	17	48,57	18	51,43	11	78,57	3	21,43

**Bảng 3. Khách du lịch tới du lịch sinh thái
tại Vườn quốc gia Xuân Thủy năm 2020, 2021 (N = 110)**

Diễn giải	Số lượng (người)	Cơ cấu (%)
Quê quán		
Miền Bắc	74	67,27
Miền Trung	20	18,18
Miền Nam	16	14,55
Nghề nghiệp		
Công nhân viên chức nhà nước	28	25,45
Học sinh, sinh viên	46	41,82
Lao động khác	36	32,73
Độ tuổi trung bình		
Dưới 18	40	36,36
Từ 18-30	48	43,64
Trên 30	22	20,00
Thời gian chuyến đi		
Dưới 1 ngày	76	69,09
2 ngày	18	16,36
Trên 2 ngày	16	14,55
Số lượng du khách theo từng tuyến tham quan		
Tuyến 1, 2, 3, 4	77	70,00
Tuyến 5	33	30,00

3.1.3. Khách du lịch sinh thái huyện Giao Thủy

Đại đa số du khách tới từ miền Bắc (67% lượng khách), chủ yếu là học sinh, sinh viên chiếm 41,82%, đi du lịch theo chương trình trải nghiệm, thăm quan thực tế do các trường cấp 1, 2 và 3 tổ chức, do đó độ tuổi của du khách dưới 30 chiếm tỉ lệ lớn (80% du khách). Du khách chủ yếu là nam giới (60% khách), nhất là ở nhóm du khách thuộc lao động khác, đây là những người ưa trải nghiệm, khám phá và thích các hoạt động gắn với thiên nhiên. Thời gian khách du lịch tới VQG rất ngắn, với 69,09% khách chỉ tới trong 1 ngày, đồng nhất thường là tháng 4-9 (giai đoạn hè) và tháng 11, 12 năm trước đến tháng 3, 4 năm sau (thời gian chim di cư).

Phần lớn du khách tới DLST tại VQG đều là lần đầu tiên, chỉ một số lượng không nhiều đến lần 2 và rất ít khách tới trên 2 lần (chủ yếu là cán bộ nghiên cứu và người có niềm đam mê

với đa dạng sinh học). Mức chi tiêu cho chuyến du lịch còn thấp với 59,09% lượng khách chỉ tiêu dưới 1 triệu đồng, chỉ 14,55% khách chi trên 3 triệu đồng nên doanh thu DLST chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do các sản phẩm DLST hiện nay còn chưa phong phú, quy mô cung cấp vừa và nhỏ, phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thiên nhiên như thủy triều (hoạt động khám phá rừng ngập mặn), mùa vụ, điều kiện thời tiết... Đa số khách đi du lịch thông qua hình thức theo cơ quan/ đơn vị hoặc cá nhân tự tổ chức, rất ít du khách đi theo tour tuyến. Hiện nay tuyến du lịch số 5 đang là tuyến du lịch đông khách tham gia nhất của VQG Xuân Thủy (30% lượng khách), điều này cho thấy sự hấp dẫn của du khách với hoạt động thăm quan, tìm hiểu và khám phá cây rừng ngập mặn, trải nghiệm hoạt động sinh kế của người dân trong và ngoài rừng ngập mặn đang rất lớn và hình thức du lịch này sẽ có tiềm năng phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Bảng 4. Thông tin về chuyến đi của du khách (N = 110)

Chỉ tiêu	Số lượng (ý kiến)	Tỉ lệ (%)
Số lần đến Giao Thủy		
Lần đầu tiên	79	71,82
Lần 2	20	18,18
Trên 2 lần	11	10,00
Mức chi tiêu cho chuyến du lịch		
<1 triệu đồng	65	59,09
1 triệu đến 3 triệu đồng	29	26,36
>3 triệu đồng	16	14,55
Các hình thức đi du lịch sinh thái ở Giao Thủy		
Cá nhân tự tổ chức	15	13,64
Đi theo cơ quan, đơn vị	25	22,73
Đi theo tour	10	9,09
Đi theo lời mời từ bạn bè, đồng nghiệp	8	7,27
Hoạt động trải nghiệm theo chương trình, dự án	52	47,27

3.1.4. Sự tham gia của cộng đồng vào du lịch sinh thái huyện Giao Thủy

Giai đoạn 2005-2007, VQG Xuân Thủy phối hợp với Trung tâm bảo tồn biển và phát triển cộng đồng triển khai dự án xây dựng mô hình DLST cộng đồng cho Hội phụ nữ xã Giao Xuân với việc cho 11 hộ dân vay vốn không lấy lãi số tiền 70 triệu đồng để sửa chữa nhà cửa, mua trang thiết bị hoạt động DLST. Năm 2010-2013, Chương trình liên minh đất ngập nước quốc tế phối hợp với Hiệp hội các VQG và Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam, VQG Xuân Thủy triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển DLST, trong đó có “Nâng cao năng lực về phát triển DLST cho cán bộ quản lý và cộng đồng địa phương trong khu vực vùng đệm” với 03 lớp tập huấn cho 20 cán bộ và cộng đồng địa phương đã và đang tham gia vào hoạt động DLST với các nội dung về hướng dẫn viên, cung cấp dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống... Đến 2021, xây dựng Hợp tác xã DLST cộng đồng xã Giao Xuân với 15 hộ cung cấp nhà nghỉ dạng Homestay, 50 người lao động tham gia các dịch vụ khác. Tuy nhiên, nội dung tập huấn hạn chế, số lượng lao động làm du lịch có trình độ ngoại ngữ chưa cao, khả năng xử lý các tình huống trong hoạt động du lịch còn thấp, đặc biệt khi giải đáp các thắc

mắc của du khách về cảnh quan, về lịch sử địa phương chưa thoả đáng, phần nào ảnh hưởng đến hình ảnh khu du lịch khi được truyền đạt với du khách.

Hiện nay, các cơ sở lưu trú cho DLST tại VQG gồm: 20 hộ dân với 20 phòng nghỉ (12 hộ tham gia từ 2010, 8 hộ tham gia năm 2012) có khả năng đón trên 300 lượt khách; VQG có 16 phòng đôi và năm 2019 có thêm 2 nhà nghỉ tư nhân mới xây dựng trong khu vực vườn nên có khả năng phục vụ cho khoảng 100 khách/ đêm. Phương tiện thuỷ vận chuyển hiện có 02 tàu cánh ngầm và 06 tàu tham quan được người dân đầu tư đóng mới với trang thiết bị tiện nghi đảm bảo phục vụ được 200 du khách cùng thời điểm cùng hàng chục phương tiện tàu cá được cải hoán phục vụ chuyên chở khách du lịch tham quan. Tuy nhiên, do quy chế phối hợp cung cấp hoạt động du lịch giữa VQG và người dân địa phương chưa rõ do VQG chỉ thoả thuận cho phép người dân tham gia cung cấp DLST trong khu vực vườn mà không có quy định cụ thể về mức phí đóng góp và giá cả dịch vụ cung cấp cho du khách. Điều này gây ra rất nhiều khó khăn trong việc quản lý giá cả các dịch vụ DLST giữa VQG và người dân địa phương. Bên cạnh đó, chất lượng các cơ sở lưu trú chưa được đánh giá

cao, không có điểm nhấn nên khó thu hút du khách nghỉ lại tại các điểm lưu trú thời gian dài.

Từ năm 2014, Ban quản lý VQG Xuân Thuý đã ra quy chế yêu cầu bà con có dự án phát triển kinh tế - xã hội khu vực vùng đệm VQG phải thực hiện cam kết môi trường, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản theo hướng bền vững và thực hiện nhiều chính sách khai thác có giới hạn (với các loài tôm, cua, cá, ngao giống), không được chặt phá rừng, thực hiện chia sẻ lợi ích thủy sản dưới tán rừng ngập mặn, nuôi ong... Điều này góp phần tích cực trong việc bảo tồn nguồn lợi thiên nhiên, phục vụ cho phát triển DLST của vườn. Cuối năm 2000, nhằm cụ thể hoá mô hình đồng quản lý rừng ngập mặn, VQG đã đứng ra giao khoán diện tích hơn 1.100ha vùng đệm cho 273 hộ dân tiến hành nuôi ngao (vạng) theo hợp đồng từ 3-7 năm và tới năm 2013 thì giao khoán bảo vệ rừng cho 28 hộ dân ở xã Giao An với diện tích 587ha rừng theo thời hạn hàng năm (cá biệt có hộ nhận 30ha) với kinh phí từ 100-200.000 đồng/ha/năm nhằm giúp người dân có nguồn thu nhập ổn định và tạo thêm điểm đến cho du khách. Tuy nhiên, các chi tiết sử dụng tài nguyên hải sản đã không nêu rõ trong hợp đồng thuê rừng cùng với giá nhận khoán, bảo vệ rừng, nuôi ngao mà hộ dân nhận được còn thấp (trên 40% hộ dân đồng ý nhận định này) nên các tranh chấp đã xảy ra giữa những người tham gia hợp đồng bảo vệ rừng và người sử dụng tài nguyên rừng (Nguyễn Việt Cách, 2016).

Lao động tham gia phục vụ DLST đều là lao

động bán thời gian, đa số đã có kinh nghiệm từ 2-3 năm trở lên (chiếm 51,43%), phần lớn đã hiểu rõ được các nội dung công việc và có thể ứng xử tốt với các tình huống cũng như đảm bảo hiệu quả trong việc phục vụ du khách. Các hộ chủ yếu cung cấp 02 dịch vụ là dịch vụ lưu trú (31,43% hộ) và dịch vụ bán hàng (cả đặc sản và sản phẩm phục vụ du lịch khác) là 22,86% số hộ. Tuy nhiên các lao động phục vụ DLST tại VQG đều làm việc bán thời gian và không có đơn vị quản lý trực tiếp, hoạt động tự phát, chưa chuyên nghiệp và với 74,29% lao động chưa được đào tạo các kiến thức về du lịch là một thách thức rất lớn đối với sự phát triển DLST của VQG Xuân Thuý.

Lao động tại các hộ cung cấp dịch vụ cho hoạt động du lịch sinh thái tại VQG Xuân Thuý được thể hiện trên bảng 5.

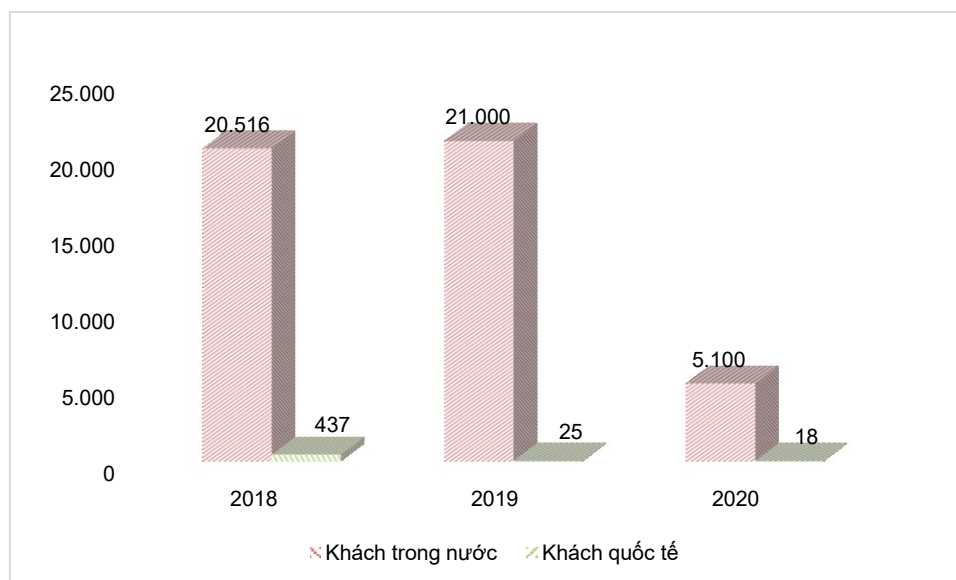
3.1.5. Kết quả phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thuý

Nguồn thu từ hoạt động du lịch nói chung và DLST nói riêng đã được địa phương tái đầu tư để thực hiện các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, tài nguyên thiên nhiên kết hợp cùng các nguồn vốn khác. Kết quả đầu tư vào hạ tầng du lịch gồm: các tuyến đường bộ (tỉnh lộ 489, Quốc lộ 37B từ Quất Lâm về thị trấn Ngõ Đồng và nối với các tỉnh Thái Bình, Hà Nam, đường nội bộ VQG), hệ thống thủy lợi (dự án kê sông Sò, sông Hồng, sông Cồn Nhất...). Khách du lịch tới tham gia các hoạt động DLST tại Vườn quốc gia Xuân Thuý được thể hiện ở hình 1.

Bảng 5. Lao động các hộ phục vụ du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thuý

	Lao động phục vụ du lịch	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
Thời gian tham gia	< 1 năm	6	17,14
	2-3 năm	18	51,43
	> 3 năm	11	31,43
Trình độ lao động	Chưa được đào tạo	26	74,29
	Đã qua đào tạo	9	25,71
Loại hình dịch vụ du lịch tham gia*	Dịch vụ ăn uống	7	20,00
	Dịch vụ nhà nghỉ, homestay	11	31,43
	Dịch vụ vận chuyển	6	17,14
	Dịch vụ bán hàng	8	22,86
	Các dịch vụ khác (chụp ảnh, phiên dịch...)	13	37,14

Ghi chú : *: Có nhiều lựa chọn, N = 35.



Hình 1. Số lượng khách đến du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy giai đoạn 2018-2020 (lượt người)

Số lượng du khách tới tham gia DLST tại VQG Xuân Thủy trong các năm 2017-2019 tăng lên đáng kể (tuy nhiên lượng khách lưu trú lại không tăng tương ứng), trong khi số lượng du khách quốc tế có sự biến động không ổn định. Lượng khách đến DLST tại VQG giảm rất thấp năm 2020, nguyên nhân chủ yếu là do số lượng các dịch vụ du lịch ở Vườn không nhiều, chưa có điểm nhấn thu hút du khách, đặc biệt là do dịch Covid 19 diễn biến phức tạp nên các hoạt động du lịch bị hạn chế. Điều này làm cho doanh thu từ hoạt động du lịch có sự giảm xuống qua các năm. Hiện nay, lượng khách đến VQG Xuân Thủy theo 02 hình thức chính là liên hệ trực tiếp với Vườn (với khách nội địa) hoặc thông qua 4 đơn vị lữ hành hiện đang là đối tác chính của VQG là Hoà Bình tourist, Sài Gòn tourist, Công ty du lịch Trầu Cau, YEDS (với khách quốc tế).

Kết quả phát triển DLST của VQG Xuân Thủy được thể hiện trong bảng 6.

Sau khi trải nghiệm hoạt động DLST tại VQG Xuân Thủy, cảnh quan sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học tại vườn và chất lượng môi trường được đại đa số du khách đánh giá là hấp dẫn nhất so với các tài nguyên du lịch khác với 66,36% ý kiến nhận định tốt. Chất lượng dịch vụ du lịch được đánh giá kém hấp dẫn nhất (chỉ có

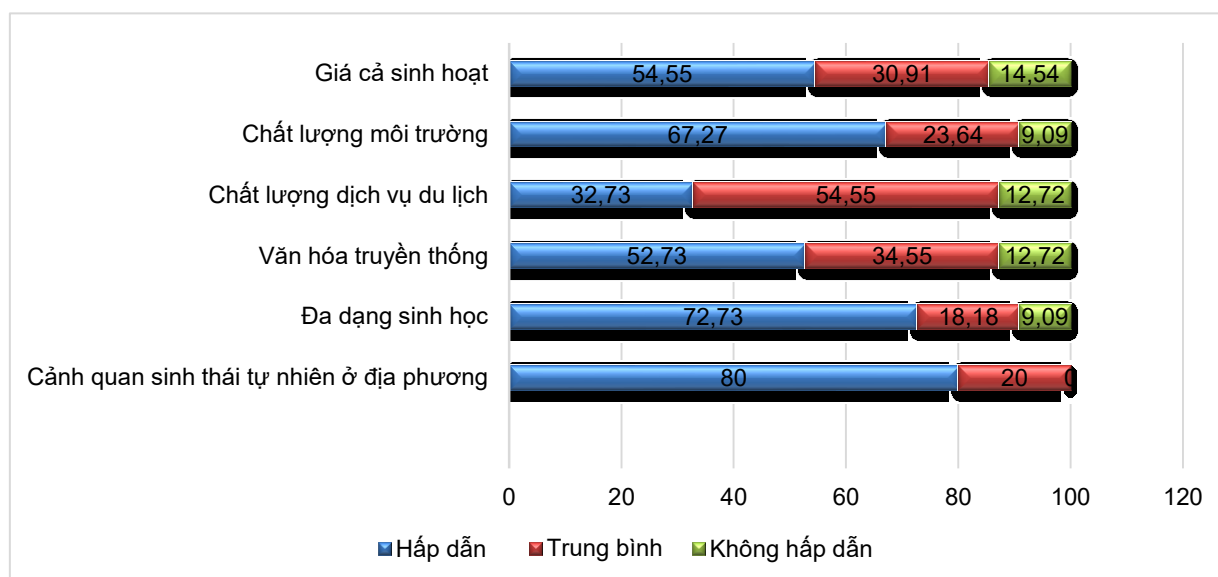
32,73% ý kiến đánh giá hấp dẫn), nguyên nhân chủ yếu là các cơ sở giải trí, nghỉ ngơi ở khu vực VQG và lân cận chưa được đầu tư nhiều, còn tương đối sơ sài so với nhu cầu của du khách.

Phần lớn du khách đều đánh giá rằng giá cả sinh hoạt, cảnh quan sinh thái địa phương và đa dạng sinh học, chất lượng môi trường đều là những điểm sáng hấp dẫn du khách. Có 54,55% du khách đánh giá rằng chuyến đi của họ đạt được kì vọng so với mong đợi đặt ra lúc đầu, trong khi 36,36% khách cho rằng chuyến đi vượt quá mong đợi đặt ra, điều này là dấu hiệu tốt cho sự phát triển của DLST tại VQG Xuân Thủy thời gian tới.

Tuy nhiên hoạt động DLST của VQG và các hộ dân vùng ven cung cấp còn mang tính chất tự phát, chưa được sắp xếp và tổ chức hợp lý nên gây ra nhiều khó khăn trong công tác quản lý, nhất là quản lý hoạt động của các hộ dân cung cấp dịch vụ du lịch (về giá dịch vụ nhà nghỉ, ăn uống, vận tải...). Nhiều dịch vụ DLST do hộ dân cung cấp như dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống được du khách đánh giá chưa thật sự cao do chi phí du khách bỏ ra cao hơn so với trải nghiệm thực tế mà du khách nhận được. Điều này làm cho gần 10% du khách không hài lòng sau chuyến đi và không có nhu cầu quay lại VQG.

Bảng 6. Kết quả du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy năm 2018-2020

Diễn giải	ĐVT	2018	2019	2020
Doanh thu du lịch sinh thái của vườn	Triệu đồng	571	450	342
Hộ dân kết hợp làm DLST với VQG				
Số lượng	Hộ	27	35	42
Giá trị	Triệu đồng	2.000	2.500	1.300

**Hình 2. Đánh giá của du khách về hoạt động du lịch sinh thái ở Giao Thủy (%)**

3.2. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Xuân Thủy

Để phát triển DLST tại vườn quốc gia Xuân Thủy nhằm bảo tồn, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên cũng như góp phần cải thiện kinh tế - xã hội địa phương, cần thực hiện một số giải pháp cần thiết sau:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ DLST: chính quyền địa phương, VQG cần có chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao cho phát triển DLST. Đối với DLST gắn với cộng đồng, cần khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, thực hiện đào tạo linh hoạt cho nhóm lao động này thông qua đào tạo kết hợp giữa Vườn với các doanh nghiệp, chương trình đào tạo nghề nông thôn. Tranh thủ sự hỗ trợ của các dự án phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch và các dự án quốc tế, đồng thời chủ động tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nhận thức và trang bị các kỹ năng

kinh doanh, giao tiếp du lịch cho cộng đồng người dân tại các khu vực trọng điểm phát triển du lịch.

- Điều chỉnh lại quy chế quản lý rừng và hợp tác trong quản lý rừng ngập mặn giữa VQG và cộng đồng dân cư vùng ven để phù hợp với thực tiễn về hiện trạng tài nguyên rừng ngập mặn và nhu cầu sinh kế của người dân. Xây dựng cơ chế hợp tác và thu chi tài chính phù hợp giữa các bên liên quan, xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các bên trong việc khai thác tài nguyên, đảm bảo tài nguyên cộng đồng cho phát triển DLST đồng thời đảm bảo điều kiện phát triển sinh kế của cộng đồng.

- Xây dựng cơ chế hợp tác song phương giữa Vườn và các đối tượng làm du lịch với các yêu cầu: (1) Xây dựng cơ chế hợp tác (qua hợp đồng bằng văn bản) giữa VQG với người dân địa phương ven khu vực để tổ chức kết hợp các hoạt động DLST kết hợp với trải nghiệm cuộc sống của người dân địa phương nhằm tăng thời gian

lưu trú của du khách; (2) Giao cộng đồng địa phương thực hiện một số nội dung cùng với VQG khi tiến hành các hoạt động DLST để cùng chia sẻ kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện các hoạt động du lịch.

- Triển khai các giải pháp nhằm tăng cường quảng bá, giới thiệu du lịch Giao Thủy nói chung và DLST tại VQG nói riêng với người dân và du khách: (i) Xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn về phát triển DLST, trong đó chú trọng những vấn đề: nghiên cứu lựa chọn thị trường và sản phẩm để xúc tiến; kiện toàn bộ máy (tổ chức, nhân sự...) xúc tiến du lịch; xây dựng kế hoạch kinh phí, lộ trình thực hiện và các biện pháp phối hợp các đơn vị có liên quan phát triển DLST; (ii) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về DLST trong các cấp, các ngành và nhân dân; tạo lập và nâng cao hình ảnh DLST của VQG trong cả nước, khu vực và trên thế giới; (iii) Tổ chức các lớp tập huấn về quảng bá du lịch cho các đối tượng là hộ kinh doanh, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ du lịch để nâng cao hiểu biết và cung cấp những kỹ năng cơ bản về quảng bá du lịch; (iv) Xây dựng hệ thống các trung tâm hướng dẫn và cung cấp thông tin về DLST Vườn quốc gia Xuân Thủy cho khách du lịch ở những đầu mối giao thông quan trọng; (v) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng, nâng cấp trang thông tin điện tử (website) về du lịch Giao Thủy và VQG Xuân Thủy để website trở thành kênh thông tin chủ yếu để thực hiện các yêu cầu về xúc tiến quảng bá DLST, xây dựng hình ảnh và thương hiệu DLST Giao Thủy; (vi) Phối hợp tổ chức cho các hãng lữ hành trong và ngoài nước khảo sát các tuyến, điểm và đưa khách DLST đến Giao Thủy, thực hiện liên kết phát triển sản phẩm, kết nối tuyến du lịch.

- Thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng lưu trú cho phát triển du lịch nói chung và DLST của VQG nói riêng. Huyện Giao Thủy cần kêu gọi các tổ chức, cá nhân để triển khai nhiều dự án đầu tư nâng cao chất lượng hạ tầng du lịch, nhất là cơ sở lưu trú với trang thiết bị hiện đại, tiện nghi hơn để đáp ứng nhu cầu của du khách. Với các xã có diện tích đất ngoài đê biển, có bãi cát thoải

mịn, hệ thực vật phong phú cần khảo sát và quy hoạch vị trí để có thể xây dựng các khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp hướng tới đối tượng có thu nhập khá và có sản phẩm du lịch mang tính chuyên nghiệp. Đồng thời nghiên cứu, xây dựng thêm các khu vui chơi, giải trí hiện đại để tăng tính hấp dẫn cho điểm đến.

4. KẾT LUẬN

Du lịch sinh thái đang dần trở thành một hoạt động thu hút sự tham gia của người dân và góp phần tích cực cải thiện sinh kế người dân địa phương cũng như nâng cao hiểu biết du khách về đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Du lịch sinh thái tại VQG Xuân Thủy hàng năm thu hút trên 20.000 lượt khách thăm quan, đem lại việc làm và thu nhập ổn định cho hàng ngàn lao động địa phương vùng ven vườn quốc gia. Khách du lịch tới VQG chủ yếu là thăm quan cảnh sắc vườn và khám phá rừng ngập mặn, trải nghiệm hoạt động sinh kế của người dân địa phương. Do các dịch vụ DLST của địa phương chưa nhiều nên thời gian du khách ở tại VQG chỉ một ngày và số tiền chi cho hoạt động du lịch cũng không cao, dưới 1 triệu đồng. Hiện nay, phát triển DLST ở VQG Xuân Thủy đang gặp nhiều khó khăn thách thức như cơ sở hạ tầng cho du lịch sinh thái còn sơ sài, chưa đáp ứng nhu cầu du khách; trình độ nhân lực của ngành du lịch còn thấp, chuyên môn không cao cũng như các sản phẩm du lịch còn hạn chế, thiếu sự gắn kết với các đơn vị tổ chức tour, tuyến du lịch trong việc thu hút khách thăm quan.

Để thúc đẩy du lịch sinh thái tại VQG Xuân Thủy thời gian tới, cần tập trung vào một số giải pháp gồm: (i) Phát triển nguồn nhân lực cho du lịch sinh thái; (ii) Tổ chức, quảng bá về phát triển du lịch sinh thái; (iii) Nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường; (iv) Đầu tư cơ sở hạ tầng lưu trú cho DLST.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Thị Minh Nguyệt (2012). Giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững tại vườn quốc gia Ba Vì. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. (1): 148-160.

- Chính phủ (2020). Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030
- Doãn Quang Hùng (2017). Nghiên cứu thực trạng và định hướng sử dụng đất gắn với du lịch sinh thái cộng đồng vùng ven biển huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Luận án tiến sĩ. Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp. Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Lê Văn Hoài (2017). Giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hồ Kê Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh. Tạp chí Khoa học, Đại học Huế. 126(5D): 205-218.
- Nguyễn Thị Tú (2006). Những giải pháp phát triển du lịch sinh thái Việt Nam trong xu thế hội nhập. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Thương Mại Hà Nội.
- Nguyễn Tri (2018). Du lịch sinh thái ở Việt Nam: Nhiều tiềm năng nhưng chưa bài bản. Truy cập từ <https://laodong.vn/du-lich/du-lich-sinh-thai-o-viet-nam-nhieu-tiem-nang-nhung-chua-bai-ban-62307> 2.1do ngày 15/10/2021
- Nguyễn Trọng Nhân & Lê Thông (2011). Nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái Vườn quốc gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp. Tạp chí Khoa học, trường Đại học Cần Thơ, 18a:228-239.
- Phạm Trung Lương (2002). Du lịch sinh thái, những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy (2021). Tài nguyên Vườn quốc gia Xuân Thủy. Truy cập từ http://www.vuonquocgiaxuanthuy.org.vn/?act=ne_wscat&cat_id=17&id=150 ngày 1/10/2021.